

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 35 /KH-UBND

Quận 1, ngày 06 tháng 02 năm 2018

KẾ HOẠCH

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2018

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tình giản biên chế;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ về việc đẩy mạnh chủ trương thực hiện tình giản biên chế;

Căn cứ Đề án tình giản biên chế giai đoạn năm 2015 – 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 1 được phê duyệt theo Quyết định số 4889/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Quận 1 ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện tình giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP năm 2018 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đưa ra khỏi biên chế những cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP trì trệ, cản trở, không hoàn thành nhiệm vụ; từng bước xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của quận có số lượng phù hợp, cơ cấu hợp lý tương ứng với vị trí việc làm, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm. Từ đó, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tiết kiệm ngân sách, giảm chi thường xuyên, cải cách tiền lương.

2. Phân đầu tỷ lệ tình giản biên chế Quận 1 đến năm 2021 tối thiểu 10% biên chế được giao năm 2015; tỷ lệ tình giản biên chế hàng năm tối thiểu đạt 1,43% biên chế được giao năm 2015.

3. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện tình giản biên chế.

4. Việc tình giản biên chế phải được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan đúng đối tượng, không làm ảnh hưởng, xáo trộn lớn đến tư tưởng, đời sống của cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc, trình tự và chính sách tình giản biên chế theo đúng quy định của pháp luật.

5. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường phải nêu cao vai trò, trách nhiệm trong tổ chức triển khai thực hiện tinh giản biên chế và kết quả việc tinh giản biên chế phải gắn với việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm.

II. NỘI DUNG

1. Phương án tinh giản biên chế

- Từng cơ quan, đơn vị tiếp tục xác định số lượng, tỷ lệ tinh giản biên chế sao cho đến năm 2021 tối thiểu giảm 10% biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2015. Trường hợp cơ quan, đơn vị nào không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu theo quy định mà không có giải trình hợp lý, Ủy ban nhân dân Quận 1 sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu.

- Đảm bảo chỉ tuyển dụng số cán bộ, công chức, viên chức mới không quá 50% số biên chế cán bộ, công chức, viên chức đã thực hiện tinh giản biên chế và không quá 50% số biên chế cán bộ, công chức, viên chức đã giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc (*trừ cán bộ, công chức phường*).

- Rà soát, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt và phù hợp với trình độ, năng lực của cán bộ, công chức, viên chức. Nghiêm túc thực hiện đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm theo quy định của Chính phủ. Tinh giản biên chế đối với những cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định (*phẩm chất, năng lực, trình độ đào tạo, sức khỏe*), những người dôi dư do sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự; do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Đẩy mạnh thực hiện kiêm nhiệm đối với một số chức danh của cán bộ, công chức, viên chức nhất là kiêm nhiệm đối với các chức danh cán bộ không chuyên trách ở phường.

2. Đối tượng, trường hợp tinh giản biên chế:

2.1. Đối tượng tinh giản biên chế

- Cán bộ, công chức tại các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận và 10 phường.

- Công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp, trường học công lập thuộc quận.

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp.

2.2. Trường hợp tinh giản biên chế

- Cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế và cán bộ, công chức cấp xã hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp theo

quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức, viên chức), thuộc đối tượng tinh giản biên chế nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Nhà nước hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự;

+ Dôi dư do cơ cấu lại cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm nhưng không thể bố trí, sắp xếp được việc làm khác;

+ Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn;

+ Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên bị hạn chế về năng lực hoàn thành công việc được giao, nhưng không thể bố trí việc làm khác.

+ Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức được phân loại, đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực hoặc có 01 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.

+ Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được phân loại đánh giá xếp vào mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp.

+ Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, mỗi năm có tổng số ngày nghỉ làm việc là số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định hiện hành.

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự (sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ) dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

- Viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn tại các đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự dôi dư do sắp xếp lại tổ chức theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc do đơn vị sự nghiệp công lập sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự để thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy và nhân sự.

2.3. Không thực hiện giải quyết tinh giản biên chế đối với công chức, viên chức trong các trường hợp như sau:

- Công chức, viên chức có 02 năm liên tiếp được đánh giá, phân loại không hoàn thành nhiệm vụ. Đề nghị đơn vị phải thực hiện giải quyết chế độ, chính sách thôi việc theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn đào tạo phù hợp với quy định của cơ quan có thẩm quyền về tiêu chuẩn trình độ đào tạo đối với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nhưng đơn vị đưa vào diện tinh giản do chưa đạt trình độ.

- Công chức, viên chức đang công tác tại các tổ chức hiện đang hoạt động bình thường nhưng đơn vị đưa vào diện tinh giản do sắp xếp tổ chức.

- Công chức, viên chức có chuyên ngành đào tạo chưa phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nhưng luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Công chức, viên chức có trình độ chuyên môn đào tạo cao hơn quy định của cơ quan có thẩm quyền về tiêu chuẩn trình độ đối với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm, đơn vị đưa vào diện tinh giản do dư do cơ cấu lại công chức, viên chức.

- Công chức, viên chức có lý do nghỉ ốm, nhưng chưa đáp ứng được quy định có số ngày nghỉ tối thiểu bằng số ngày nghỉ tối đa được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

3. Chính sách tinh giản biên chế:

3.1. Chính sách về hưu trước tuổi:

3.1.1. Theo Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP quy định đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nếu đủ 55 tuổi đến đủ 58 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên, được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và chế độ sau:

- Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi;

- Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp ½ tháng tiền lương.

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 50 Luật Bảo hiểm xã hội.

3.1.2. Theo Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP quy định: Đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP nếu trên 58 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy

định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

3.2. Chính sách thôi việc ngay:

Theo Khoản 1, Điều 10 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP quy định những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế quy định tại Điều 6 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP có tuổi đời dưới 53 tuổi đối với nam, dưới 48 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP hoặc có tuổi đời dưới 58 tuổi đối với nam, dưới 53 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi theo quy định tại Khoản 2, Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, nếu thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp sau:

- Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;
- Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

3.3. Chế độ hỗ trợ thêm:

Theo Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định:

3.3.1. Đối với các đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi, đủ 55 tuổi đến đủ 58 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến đủ 53 tuổi đối với nữ; ngoài chế độ chính sách được hưởng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, được hỗ trợ thêm từ nguồn ngân sách thành phố theo phương pháp tính như sau:

- Được hỗ trợ thêm 03 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi;
- Được hỗ trợ thêm 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng Bảo hiểm xã hội;
- Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương hiện hưởng.

3.3.2. Đối với các đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi, trên 58 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, ngoài chế độ chính sách được hưởng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, được hỗ trợ thêm từ nguồn ngân sách thành phố theo phương pháp tính như sau:

- Được hỗ trợ thêm 03 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi;

- Được hỗ trợ thêm 05 tháng tiền lương hiện hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng Bảo hiểm xã hội;

- Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp $\frac{1}{2}$ tháng tiền lương hiện hưởng.

3.3.3. Đối với các đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đủ điều kiện thôi việc ngay, ngoài chế độ chính sách được hưởng theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, được hỗ trợ thêm từ nguồn ngân sách thành phố theo phương pháp tính như sau:

- Được hỗ trợ thêm 3 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;

- Được hỗ trợ thêm 1,5 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

4. Số lượng dự kiến thực hiện tinh giản biên chế:

Ủy ban nhân dân Quận 1 dự kiến thực hiện tinh giản biên chế năm 2018 tổng cộng 09 biên chế, cụ thể:

- Khối cơ quan hành chính: 04 biên chế.

- Khối đơn vị sự nghiệp: 05 biên chế.

5. Hồ sơ của các đối tượng tinh giản biên chế:

Hồ sơ sắp xếp theo thứ tự và được lập thành 03 bộ, gồm:

5.1. Văn bản của cấp có thẩm quyền xác định đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP (Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức hoặc văn bản có liên quan đến việc tuyển dụng nhân sự của cấp có thẩm quyền).

5.2. Sổ Bảo hiểm xã hội, các văn bản có liên quan đến việc xác nhận quá trình đóng bảo hiểm xã hội (bản sao).

5.3. Các quyết định xếp lương, nâng lương theo ngạch bậc, chức vụ, chức danh, phụ cấp chức vụ (nếu có), phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có), phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) được hưởng trong 60 tháng kể từ ngày đề nghị tinh giản biên chế (bản sao).

5.4. Bản kê cụ thể diễn biến lương, các khoản phụ cấp và lương bình quân 5 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản của đối tượng tinh giản biên chế (có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị).

5.5. Hồ sơ có liên quan đủ điều kiện tinh giản biên chế theo quy định tại Điều 6, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC.

5.6. 03 (ba) biên bản thống nhất về đối tượng tinh giản biên chế của Cấp ủy chi bộ, cơ quan và Ban chấp hành công đoàn.

6. Trình tự thực hiện tinh giản biên chế:

Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường chịu trách nhiệm phối hợp với cấp ủy, tổ chức công đoàn cùng cấp tổ chức triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế như sau:

6.1. Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP đến cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP thuộc quyền quản lý.

6.2. Lập danh sách và dự toán số tiền trợ cấp cho các đối tượng tinh giản biên chế, gửi Ủy ban nhân dân Quận 1 (*thông qua Phòng Nội vụ*) thẩm định (2 đợt/năm) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể:

- Đợt 2 năm 2018: gửi hồ sơ trước ngày 01/3/2018 (*các cơ quan, đơn vị lập danh sách đối tượng có thời điểm tinh giản biên chế từ ngày 01/7/2018 đến hết ngày 31/12/2018*).

- Đợt 1 năm 2019: gửi hồ sơ trước ngày 01/9/2018 (*các cơ quan, đơn vị lập danh sách đối tượng có thời điểm tinh giản biên chế từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 30/6/2019*).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng Nội vụ:

- Thẩm định danh sách đối tượng và tính toán chế độ chính sách thực hiện tinh giản biên chế của các đơn vị thuộc quận trình Ủy ban nhân dân quận phê duyệt gửi Sở Nội vụ.

- Đôn đốc, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách tinh giản biên chế của các đơn vị thuộc quận.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân quận quản lý, sử dụng số biên chế đã được tinh giản và giải quyết chế độ nghỉ hưu hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.

- Tổng hợp kết quả, báo cáo tình hình thực hiện tinh giản biên chế, tổng hợp kết quả giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi và thôi việc theo quy định của pháp luật, tổng hợp chung danh sách tinh giản biên chế và quyết toán kinh phí thực hiện (*theo mẫu quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC*) gửi Sở Nội và Sở Tài chính trước ngày 01/11/2018.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch:

- Phối hợp với Phòng Nội vụ dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế báo cáo Ủy ban nhân dân quận gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính bổ sung kinh phí thực hiện tinh giản biên chế.

- Căn cứ danh sách phê duyệt của cấp có thẩm quyền, phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân quận phân bổ kinh phí thực hiện.

3. Bảo hiểm xã hội Quận 1:

Giải quyết chế độ chính sách bảo hiểm xã hội đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo đúng quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP.

4. Thủ trưởng các Phòng, ban, đơn vị thuộc quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường:

- Rà soát lại đề án tinh giản biên chế của đơn vị, nghiêm túc thực hiện tinh giản đúng theo số lượng biên chế dự kiến sẽ tinh giản năm 2018.

- Kịp thời thực hiện chi trả các chế độ chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế và thực hiện quyết toán kinh phí chi trả trợ cấp cho các đối tượng tinh giản biên chế thuộc cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, đơn vị được giao quản lý theo thẩm quyền.

- Báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế của năm 2018 và dự kiến thực hiện tinh giản biên chế năm 2019.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2018, yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị thuộc quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường cùng các đơn vị có liên quan nghiêm túc tổ chức triển khai thực hiện. *Trần Thế Thuận*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Thường trực Quận ủy Quận 1;
- Thường trực HĐND Quận 1;
- UBND Quận 1: CT, các PCT;
- Ban Tổ chức Quận ủy Quận 1;
- CVP HĐND và UBND Quận 1;
- Các phòng, ban, đơn vị Quận 1;
- BHXH Quận 1;
- UBND 10 phường;
- Lưu: VT, NV.P.

 **CHỦ TỊCH**
Trần Thế Thuận